

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 412/2024/DS-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền.

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2024/QĐXXST-DS ngày 13/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Mua bán nợ W; Địa chỉ: Số X Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1998 (vắng mặt), ông Ngô Vĩnh Ng, sinh năm 2001 (vắng mặt), ông Nguyễn Ý Q, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt) theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2023.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Th1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số Y Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2024 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ W (Gọi tắt là Công ty hoặc Công ty W) có ông Nguyễn Ý Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 20 tháng 06 năm 2022, Công ty TNHH Mua bán nợ W (gọi là Công ty W) đã ký hợp đồng

mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-W với Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) về khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc Th1. Theo đó, vào ngày 05/4/2021, ông Nguyễn Ngọc Th1 và Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) đã ký Hợp đồng tín dụng số 2147534 để vay tiền với các nội dung sau: Số tiền vay: 23.210.000 đồng; Thời hạn vay: 35 tháng; Lãi suất: 50%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Kể từ ngày 19/8/2021, ông Nguyễn Ngọc Th1 đã không thanh toán mặc dù Công ty W đã thực hiện nhắc nhở bằng nhiều biện pháp. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án với yêu cầu khởi kiện ban đầu là buộc bị đơn phải thanh toán tổng tạm tính đến ngày 04/7/2024 số tiền là: 57.119.831 (năm mươi bảy triệu một trăm mười chín ngàn tám trăm ba một) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc số tiền là: 21.025.313 (hai mươi một triệu không trăm hai trăm năm ngàn ba trăm mười ba) đồng; Nợ lãi trong hạn số tiền là: 30.051.901 (ba mươi triệu không trăm năm ngàn chín trăm lẻ một) đồng, phạt chậm trả số tiền là 6.042.617 (sáu triệu không trăm bốn hai ngàn sáu trăm mười bảy) đồng (nguyên đơn tính gộp vào phần lãi khi trình bày yêu cầu khởi kiện nhưng trong bản chi tiết về lãi nộp cho Tòa có ghi riêng ra thành mục phạt chậm trả). Việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, kế hoạch trả nợ của ông Nguyễn Ngọc Th1 đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 25/9/2024, nguyên đơn nộp qua đường bưu điện bản tự khai xác định lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đến thời điểm xét xử sơ thẩm cụ thể như sau: buộc ông Nguyễn Ngọc Th1 có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Công ty W toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 25/9/2024, ông Nguyễn Ngọc Th1 cần phải thanh toán là: 53.477.763 (năm mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu ba) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc số tiền là: 21.025.313 (hai mươi một triệu không trăm hai trăm năm ngàn ba trăm mười ba) đồng; Nợ lãi trong hạn số tiền là: 731.670 (bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng, Nợ lãi quá hạn số tiền là: 31.681.978 (ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi một ngàn chín trăm bảy tám) đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 26/9/2024, nếu ông Nguyễn Ngọc Th1 vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, ông Nguyễn Ngọc Th1 vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Trong bản tự khai này, nguyên đơn cũng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phạt chậm trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – ông Nguyễn Ngọc Th1 đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Ngọc Th1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông Nguyễn Ngọc Th1 cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ W. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông Th1.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Minh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có bản tự khai nộp qua đường bưu điện xác định lại yêu cầu khởi kiện như trên.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ W.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH Mua bán nợ W khởi kiện ông Nguyễn Ngọc Th1 yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th1 có đăng ký hộ khẩu tại Quận 8 và trong hồ sơ tín dụng ông Th1 cũng ký xác nhận địa chỉ tại số Y Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù theo xác minh của Công an Phường 9, Quận 8 ghi nhận hiện ông Th1 không thực tế cư ngụ tại địa phương đi đâu không rõ cho đến nay. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng nguyên đơn không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Công ty TNHH Mua bán nợ W có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc Th1, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Th1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2

Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Th1.

[3.] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Nội dung hợp đồng tín dụng hai bên ký kết và quyền đòi nợ của Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam):

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) với ông Nguyễn Ngọc Th1 ngày 05/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc Th1 đã được giải ngân số tiền vay 23.210.000 đồng ngày 05/4/2021 theo việc cấp thẻ tín dụng JCB Motor Card Classic 356480-7213. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận về việc trả nợ gốc, nợ lãi cho Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định pháp luật và thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng vì vậy phát sinh quyền đòi nợ của Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam).

[3.2]. Về quyền khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.2.1]. Xét nội dung đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2.2]. Về quyền khởi kiện: Ngày 20 tháng 06 năm 2022, Công ty TNHH Mua bán nợ W (gọi là Công ty W) đã ký hợp đồng mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-W với Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) về khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc Th1. Việc chuyển giao quyền đòi nợ được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 365, Điều 366 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) chấm dứt quyền đòi với khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc Th1 nên Tòa án không xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời, việc chuyển giao quyền làm phát sinh quyền đòi nợ và khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ W.

[3.2.3]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ hợp đồng tín dụng phát hành thẻ hai bên đã ký kết giữa Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) và ông Nguyễn Ngọc Th1 thì ông Th1 có vay số tiền 23.210.000 đồng; Thời hạn vay: 35 tháng; Lãi suất: 50%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết tuân thủ điều kiện để một giao dịch dân sự nên có hiệu lực kể từ ngày ký. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là: 21.025.313 (hai mươi một triệu không trăm hai trăm ba mươi ba) đồng có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện trả số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 25/9/2024: Nợ lãi trong hạn số tiền là: 731.670 (bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng, Nợ lãi quá hạn số tiền là: 31.681.978 (ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi ngàn chín trăm bảy mươi tám) đồng. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng phát hành thẻ hai bên đã ký kết giữa Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) và ông Nguyễn Ngọc Th1 thì cách tính lãi của nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng

phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng cộng số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận là 53.477.763 (năm mươi ba triệu bốn trăm bảy bảy ngàn bảy trăm sáu ba) đồng. Do số tiền này ông Th1 nợ đã lâu nên cần buộc ông Th1 có nghĩa vụ trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu của nguyên đơn buộc còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2147534 ngày 05/4/2021 được ký kết giữa Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) và ông Nguyễn Ngọc Th1 kể từ ngày 26/9/2024 trên số tiền chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ W. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn – ông Nguyễn Ngọc Th1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Ngọc Th1 phải chịu là: 2.673.888 (hai triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm tám tám) đồng.

- Công ty TNHH Mua bán nợ W không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 365, Điều 366 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;

- Điều 7, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Th1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ W số tiền vay nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 53.477.763 (năm mươi ba triệu bốn trăm bảy bảy ngàn bảy trăm sáu ba) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc số tiền là: 21.025.313 (hai mươi một triệu không trăm hai lăm ngàn ba trăm mười ba) đồng; Nợ lãi trong hạn số tiền là: 731.670 (bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng; Nợ lãi quá hạn số tiền là: 31.681.978 (ba mươi một triệu sáu trăm tám một ngàn chín trăm bảy tám) đồng đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 2147534 ngày 05/4/2021 được ký kết giữa Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) và ông Nguyễn Ngọc Th1 và được chuyển giao quyền đòi nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-W từ Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) qua Công ty TNHH Mua bán nợ W.

Ông Nguyễn Ngọc Th1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2147534 ngày 05/4/2021 được ký kết giữa Công ty Tài chính TNHH MTV M A (Việt Nam) và ông Nguyễn Ngọc Th1 kể từ ngày 26/9/2024 trên số tiền chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc Th1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.673.888 (hai triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm tám tám) đồng. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ W số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.260.788 (một triệu hai trăm sáu mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000942 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Cao Sơn